

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 282/2020/HNST ngày 09 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm HC, sinh năm 1985
2. Bà Nguyễn Thụy AH, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: AB Chung cư Vstar, tổ 22, khu phố 2, phường PT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH qua thời gian tìm hiểu 07 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/6/2013).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn phù hợp về lối sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, ông HC và bà AH xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông HC và bà AH cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH xác nhận có 01 (một) người con chung là Phạm AT (nữ), sinh ngày 26/02/2016.

Ông HC và Bà AH thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, bà AH sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông HC cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/6/2013 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH xác nhận có 01 (một) người con chung là Phạm AT (nữ), sinh ngày 26/02/2016.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Nguyễn Thụy AH trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm AT(nữ), sinh ngày 26/02/2016. Ông Phạm HC cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông HC có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông HC lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà AH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông HC.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phạm HC và Bà Nguyễn Thụy AH cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm

ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032597 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông HC và bà AH đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- C/c THADS Quận 7, Tp.HCM
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (TK Thúc)

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy